

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 860/UBND

Nhà Bè, ngày 03 tháng 10 năm 2025

V/v ban hành khung mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Nhà Bè

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Phòng Kinh tế;
- Các cơ sở giáo dục công lập thuộc Xã.

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 796/UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Nhà Bè;

Xét Tờ trình số 471/TTr-VHXXH ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội về ban hành khung mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Nhà Bè;

Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè ban hành khung mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Nhà Bè (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các đơn vị có ý kiến gửi về Ủy ban nhân dân Xã (thông qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để được hướng dẫn cụ thể. / . *ngk*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND: CT, các PCT;
- VP. HĐND và UBND;
- Lưu: VT, VHXX (Huệ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Tài
Nguyễn Tuấn Tài

6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có) Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	
	Mầm non	35.000 đồng/học sinh/tháng
	Tiểu học	35.000 đồng/học sinh/tháng
	Trung học cơ sở	35.000 đồng/học sinh/tháng
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Tùy theo nhu cầu thực tế của các trường có thể sử dụng các gói ứng dụng công nghệ thông tin nhưng không vượt quá mức khung tối đa theo quy định)	100.000 đồng/học sinh/tháng
8	Dịch vụ đưa rước trẻ, học sinh bằng xe ô tô	
	Tuyến đường dưới 5km	10.000 đồng/học sinh/km
	Tuyến đường từ 5km trở lên	8.000 đồng/học sinh/km
II	Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã Nhà Bè năm học 2025-2026 chương trình nhà trường.	
1	Tổ chức Tin học	
1.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (Cấp tiểu học lớp 1,2)	33.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
1.2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030”	
	Tiểu học	150.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	130.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)

2	Tổ chức dạy Ngoại ngữ	
2.1	Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ	
	Tiểu học	75.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	75.000 đồng/học sinh/tháng (3 tiết/tuần)
2.2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	
	Mầm non	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Tiểu học	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
2.3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	
	Mầm non	100.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Tiểu học	150.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
2.4	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	
	Tiểu học	500.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	800.000 đồng/học sinh/tháng (4 tiết/tuần)
2.5	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các chứng chỉ quốc tế	
	Tiểu học	400.000 đồng/học sinh/tháng
	Trung học cơ sở	400.000 đồng/học sinh/tháng
3	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục khảo sát làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)

4	Tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	
4.1	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	
	Tiểu học (định mức từ 1 - 2 tiết/tuần)	67.000 đồng/học sinh/tháng
	Trung học cơ sở (định mức từ 1 - 2 tiết/tuần)	67.000 đồng/học sinh/tháng
4.2	Tiền tổ chức hoạt động Giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ứng dụng các giải pháp lớp học số với trí tuệ nhân tạo (AI)	
	Tiểu học (định mức từ 1 - 2 tiết/tuần)	90.000 đồng/học sinh/tháng
	Trung học cơ sở (định mức từ 1 - 2 tiết/tuần)	90.000 đồng/học sinh/tháng
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi:	
	Mầm non	70.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Tiểu học	70.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	
	Mầm non	79.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Tiểu học	79.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
7	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	
	Mầm non	90.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
	Tiểu học	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
	Trung học cơ sở	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
8	Tiền tổ chức nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế	
	Tiền tổ chức làm quen tiếng Anh	250.000 đồng/ học sinh/ tháng (2 tiết/tuần)
	Tiền tổ chức dạy chương trình thể dục thể thao 10 môn phối hợp	436.000 đồng/học sinh/ tháng

	Tổ chức cho trẻ các hoạt động sáng tạo STEM	300.000 đồng/học sinh/tháng
	Thẻ dực nhíp điều	80.000đồng/học sinh/tháng
	Vẽ	80.000đồng/học sinh/tháng
	Tiền tổ chức hoạt động ngoại khóa	70.000đồng/học sinh/tháng
	Tiền trang bị cơ sở vật chất cho trường tiên tiến	280.000đồng/học sinh/tháng
9	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	
	Nhà trẻ	59.000đồng/học sinh/tháng
	Mẫu giáo	59.000đồng/học sinh/tháng
III	CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC DỊCH VỤ KHÁC CHO CÁ NHÂN HỌC SINH	
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	
	Đối với trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi	430.000 đồng/học sinh/năm
	Đối với trẻ từ 19 tháng đến 36 tháng tuổi và trẻ từ 03 đến 5 tuổi	230.000 đồng/học sinh/năm
	Khối Tiểu học	230.000 đồng/học sinh/năm
	Khối Trung học cơ sở	230.000 đồng/học sinh/năm
2	Học phẩm - Học cụ - học liệu	
2.1	Học cụ - học liệu	
	Nhà trẻ	143.000 đồng/học sinh/năm học
	Mẫu giáo	210.000 đồng/học sinh/năm học
2.2	Học phẩm	
	Mầm non	50.000 đồng/học sinh/năm
	Tiểu học	50.000 đồng/học sinh/năm
	Trung học cơ sở	50.000 đồng/học sinh/năm
3	Suất ăn - Nước uống	
3.1	Tiền suất ăn bán trú	
	Mầm non (có ăn xế)	39.000 đồng/học sinh/ngày
	Tiểu học	33.000 đồng/học sinh/ngày
	Tiểu học (có ăn xế)	39.000 đồng/học sinh/ngày
	Trung học cơ sở	33.000 đồng/học sinh/ngày
3.2	Tiền ăn sáng	
	Mầm non	11.000 đồng/học sinh/ngày
3.3	Tiền nước uống	10.000 đồng/học sinh/tháng

